TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/DS-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;
2. Ông Lê Văn Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 334/2024/TLST-DS ngày 01/7/2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST-DS ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1969; HKTT: Số C, tổ B, đường Đ, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1972; HKTT: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị Thủy T2, sinh năm 1969; HKTT: Số C, tổ B, đường Đ, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T có mặt. Bị đơn bà Vũ Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thủy T2 có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện 22/4/2024 và khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày***:

Giữa ông T với bà T1 có quan hệ quen biết, bà T1 có hỏi ông T về việc vay tiền làm vốn kinh doanh bán trái cây, rau củ thì ông T đồng ý. Ông T có cho bà T1 vay mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/5/2022, bà T1 có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, bà T1 có lập giấy vay tiền giao cho ông T giữ.

- Ngày 26/6/2022, bà T1 tiếp tục vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng, do chỗ quen biết nên ông T không yêu cầu bà T1 ký giấy vay tiền.

- Ngày 28/6/2022, bà T1 tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 30/6/2022, bà T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 13/7/2022, bà T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 01/8/2022, bà T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 26/8/2022, bà T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng. Những lần vay tiền này bà T1 có lập giấy vay tiền giao cho ông T giữ.

Tổng số tiền bà T1 vay của ông T là 600.000.000 đồng theo 06 giấy vay tiền, việc vay tiền bà T1 tự tay viết giấy mượn tiền và viết trên giấy tập học sinh, ký tên và giao lại cho ông T cất giữ. Việc vay mượn tiền, bà T1 với ông T không thỏa thuận lãi mà chỉ nói làm ăn được bà T1 sẽ trả cho một ít nhưng thực tế cho đến nay bà T1 không trả được số tiền lãi nào cho ông T. Khi vay tiền theo Giấy vay tiền lập ngày 13/7/2022 và ngày 26/8/2022, bà T1 có thế chấp cho ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Văn L nhưng sau đó khoảng 04 ngày thì bà T1 xin mượn lại giấy chứng nhận để thực hiện đăng ký đất thổ cư và đến nay bà T1 không giao lại cho ông T và ông T không lưu giữ bản sao của giấy chứng nhận nên cũng không biết ông Phạm Văn L là ai, ở đâu.

Đến hạn trả tiền vay, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 trả tiền nhưng bà T1 không trả. Ngày 15/10/2023, bà T1 có viết "Giấy cam kết" sẽ trả cho ông T mỗi tháng 30.000.000 đồng nhưng thực tế cho đến nay bà T1 vẫn không thực hiện cam kết trả nợ cho ông T.

Theo đơn khởi kiện 22/4/2024 và ngày 15/7/2024, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả cho ông T một lần tổng số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bà T1 phải trả tổng số tiền vay gốc là 550.000.000 đồng theo 06 giấy vay tiền nói trên, không yêu cầu bà T1 phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho khoản vay ngày 26/6/2022 vì không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

- *Chứng cứ nguyên đơn ông T cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và ngày 15/7/2024 của ông T (bản gốc); Căn cước công dân của ông T (bản sao); các giấy vay tiền lập ngày 22/5/2022, ngày 28/6/2022, ngày 30/6/2022, ngày 13/7/2022, ngày 01/8/2022, ngày 26/8/2022 (bản sao); Giấy cam kết ngày

15/10/2023 (bản sao); Đơn yêu cầu hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 22/4/2024 của ông T (bản gốc); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 22/4/2024 của ông T (bản gốc); Đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2024 của ông T (bản gốc); Biên bản về việc chấm dứt hòa giải ngày 25/6/2024 (bản gốc); Bản tự khai ngày 22/4/2024 của ông T (bản gốc); Đơn xin không hòa giải theo Luật tố tụng dân sự ngày 02/8/2024 của ông T (bản gốc).

**** Bị đơn bà Vũ Thị T1***:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn bà T1, tuy nhiên bà T1 thường không có mặt tại địa chỉ cư trú. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và chứng cứ nguyên đơn cung cấp theo quy định đối với bị đơn bà T1 nhưng phía bị đơn bà T1 không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

- *Chứng cứ bị đơn bà T1 cung cấp*: Bà T1 không cung cấp chứng cứ, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

**** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thủy T2 trình bày*:**

Bà T2 và ông T có mối quan hệ là vợ chồng với nhau, ông T quen biết bà T1 nên có cho bà T1 vay tiền nhiều lần, bình thường bà T1 hay gọi ông T là T T2 nên đến khi bà T1 cam kết trả tiền mới ghi tên của bà T2 và ông T vào giấy cam kết ngày 15/10/2023. Thực tế ông T là người trực tiếp cho bà T1 vay tổng số tiền 600.000.000 đồng như ông T khởi kiện, cụ thể vào ngày 22/5/2022 với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 26/6/2022 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 28/6/2022 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 30/6/2022 với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 13/7/2022 với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/8/2022 với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 26/8/2022 với số tiền 100.000.000 đồng. Bà T2 chỉ có tên trong giấy cam kết ngày 15/10/2023 chứ bà T2 không biết giao dịch vay tiền giữa ông T và bà T1 theo các giấy vay tiền trên. Vì vậy, bà T2 không tranh chấp về số tiền 600.000.000 đồng mà ông T khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiên cung c*: Căn cước công dân của bà T2 (bản sao); Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của bà T2 (bản gốc).

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt; bị đơn bà T1 đã được

Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn bà T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông T: Ngày 22/4/2024 và ngày 15/7/2024, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả cho ông T một lần tổng số tiền 600.000.000 đồng. Xét thấy, bị đơn bà T1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ trên nhưng không thường xuyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Theo đơn khởi kiện 22/4/2024 và ngày 15/7/2024, ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả cho ông T một lần tổng số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bà T1 phải trả tổng số tiền vay gốc là 550.000.000 đồng theo 06 giấy vay tiền lập vào các ngày 22/5/2022, ngày 28/6/2022, ngày 30/6/2022, ngày 13/7/2022, ngày 01/8/2022, ngày 26/8/2022 nói trên, không yêu cầu bà T1 phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho khoản vay ngày 26/6/2022 vì không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả tổng số tiền vay gốc là 550.000.000 đồng theo 06 giấy vay tiền lập vào các ngày 22/5/2022, ngày 28/6/2022, ngày 30/6/2022, ngày 13/7/2022, ngày 01/8/2022, ngày 26/8/2022.

Giấy vay tiền theo ông T xác định là do bà T1 viết, có chữ ký, viết tên của bà Vũ Thị T1. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà T1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án, niêm yết công khai các chứng cứ là các giấy vay tiền nói trên nhưng bị đơn bà T1 vắng mặt không có lý do; đồng thời bị đơn bà T1 cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bị đơn bà T1 đã thanh toán số tiền 550.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) cho nguyên đơn ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T buộc bị đơn bà T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Nguyên đơn ông T không yêu cầu bị đơn bà T1 phải trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của ông T và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 không tranh chấp về số tiền 600.000.000 đồng mà ông T khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đây là sự tự nguyện của bà T2 và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 36, 39, 147, 217, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Vũ Thị T1.

1.1. Buộc bà Vũ Thị T1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T tổng số tiền đã vay là 550.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) theo các "Giấy vay tiền" lập vào các ngày 22/5/2022, ngày 28/6/2022,

ngày 30/6/2022, ngày 13/7/2022, ngày 01/8/2022, ngày 26/8/2022 có chữ ký, viết tên bà Vũ Thị T1.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Vũ Thị T1 về số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Vũ Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.000.000 đồng *(hai mươi sáu triệu đồng)*.

3.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.500.000 đồng (*mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000242 ngày 27/6/2024 và số 0000263 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 09/9/2024.

4.2. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng